

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MT03004: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(ENVIRONMENTAL IMPACT ASSESSMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: **5**
- Tín chỉ: **02 (Lý thuyết 02 – Thực hành 0 – Tự học 06)**
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: **21 tiết**
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: **09 tiết**
- Giờ tự học: **90 tiết**
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: **Công nghệ môi trường**
 - Khoa: **Tài nguyên và môi trường**
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: **tiếng Anh tiếng Việt**

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về khung pháp lý trong bảo vệ môi trường trong lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án phát triển; tác động của việc sử dụng tài nguyên, sự phát thải tới nguy cơ suy thoái chất lượng môi trường.
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thu thập thông tin phục vụ phân tích hệ thống môi trường; Kỹ năng xử lý số liệu, lập báo cáo theo đúng quy định của pháp luật.
- Về thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực chủ động học tập, cập nhật kiến thức và hình thành quan điểm trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:
Kiến thức chung CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.

Kiến thức chuyên môn	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CDR 5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CDR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng hiệu quả.
Kỹ năng chuyên môn	CDR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
	CDR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
Thái độ	CDR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT											
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12
MT 03004	Đánh giá tác động môi trường		R	R	R		R			R	R		R

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được			CDR của CTĐT
	Kiến thức			
K1	Phân tích mối quan hệ giữa các thành phần của môi trường; mối quan hệ giữa môi trường và phát triển			CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
K2	Vận dụng các cơ sở pháp lý trong đánh giá tác động môi trường	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
K3	Vận dụng các phương pháp trong đánh giá tác động môi trường	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
K4	Xây dựng giải pháp giảm thiểu tác động môi trường cho dự án đầu tư phù hợp với yêu cầu của các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội
Kỹ năng		
K5	Thu thập thông tin, xử lý thông tin phục vụ hiệu quả cho xây dựng cơ sở dữ liệu đánh giá tác động môi trường	CDR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
K6	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	CDR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
K7	Bảo vệ các phương án giảm thiểu tác động môi trường	CDR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
Thái độ		
K8	Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong công tác đánh giá tác động môi trường phục vụ phát triển bền vững	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT03004. Đánh giá tác động môi trường (Environmental Impact Assessment). (2TC: 2 – 0 – 6, 90).

Mô tả văn bản nội dung:

Học phần bao gồm các nội dung về khái niệm, vai trò của đánh giá tác động môi trường trong tiến trình phát triển; hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến đánh giá tác động môi trường; Các phương pháp thường được sử dụng trong đánh giá tác động môi trường; Nội dung, cấu trúc cơ bản của báo cáo đánh giá tác động môi trường và trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường;

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy trên lớp
- Giao chủ đề seminar, thảo luận nhóm, chủ đề tiểu luận chuyên đề...
- Hướng dẫn tự nghiên cứu tài liệu học tập: e – learning

2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng trên lớp
- Tự học: nghiên cứu tài liệu (E – learning: Tìm và tra cứu tài liệu theo yêu cầu; thảo luận nhóm theo chủ đề); xây dựng tiểu luận chuyên đề
- Học theo nhóm: thảo luận nhóm liên quan tới nội dung môn học theo các chủ đề yêu cầu của giảng viên; lập báo cáo và thuyết trình

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: SV phải tham dự ít nhất 75% số tiết và tham gia các hoạt động trên lớp.
- Thuyết trình và Thảo luận: SV phải tham gia thảo luận tại lớp học; làm việc theo nhóm thực hiện bài thuyết trình; xây dựng bài tiểu luận chuyên đề theo yêu cầu.
- Tự học: Sinh viên nên đọc; tổng hợp các tài liệu do giảng viên cung cấp thông qua hệ thống E – learning, thực hiện trao đổi nhóm có sự hướng dẫn của người dạy.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Điểm quá trình: 50%

- Rubric 1 – Thảo luận và bài tập cá nhân: 30%
- Rubric 2 – Thảo luận nhóm và thuyết trình: 20%

- Điểm kiểm tra cuối kì: 50%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ của HP	Thảo luận và bài tập cá nhân (30%)	Thảo luận nhóm và thuyết trình (20%)	Thi cuối kỳ (50%)
K1		x	x
K2		x	x
K3	x		x
K4	x		x
K5		x	
K6	x		
K7		x	
K8	x		

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1. Phân biệt sự khác nhau của các dạng tác động tới môi trường
	Chỉ báo 2. Xác định các tác động chính tới môi trường khi triển khai dự án
	Chỉ báo 3. Xác định các thành phần môi trường cần xem xét tác động
	Chỉ báo 4. Lựa chọn các thông số môi trường
K2	Chỉ báo 5. Xác định các quy định pháp lý trong BVMT đối với trường hợp dự án cụ thể
	Chỉ báo 6. Giải thích quy trình lập báo cáo ĐTM
	Chỉ báo 7. Xác định khung pháp lý về BVMT đối với dự án đầu tư cụ thể
	Chỉ báo 8. Phân tích cấu trúc báo cáo ĐTM
K3	Chỉ báo 9. Giải thích vai trò của các bên liên quan trong lập báo cáo ĐTM
	Chỉ báo 10. Vận dụng các phương pháp trong phân tích tác động của dự án cụ thể
	Chỉ báo 11. Dự báo phát thải chất ô nhiễm rắn, lỏng, Khí
	Chỉ báo 12. Phân tích tác động và rủi ro môi trường dựa trên các TCVN, QCVN Quốc Gia
K4	Chỉ báo 13. Liệt kê các nhóm giải pháp gắn với tác động
	Chỉ báo 14. Phân tích các quy định, TCVN, QCVN trong quản lý chất thải (rắn, lỏng, khí), quản lý và giám sát môi trường
	Chỉ báo 15. Lựa chọn giải pháp giảm thiểu tác động phù hợp các tiêu chuẩn Quốc gia và Quốc tế

Các rubrics đánh giá

Rubric 1. Thảo luận và bài tập cá nhân

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thời gian thảo luận	10	Tham gia đầy đủ, thực hiện đúng phân công	Tham gia chưa đầy đủ theo phân công	Tham gia không theo phân công	Không tham gia
Thái độ thảo luận	10	Luôn chú ý, thường xuyên chủ động tham gia	Chú ý, chủ động tham gia,	Chú ý, tham gia khi được yêu cầu	Không chú ý
Chất lượng thảo luận	20	Nội dung rõ ràng, logic, phù hợp với chủ đề câu hỏi, có tính liên hệ và vận dụng	Nội dung rõ ràng, logic, phù hợp với câu hỏi, cung cấp 1 liên hệ/ứng dụng hoặc ví dụ phù hợp	Nội dung rõ ràng, có liên quan đến chủ đề câu hỏi, không đưa ra được ví dụ hoặc liên hệ ứng dụng	Nội dung thảo luận không đầy đủ hoặc không liên hệ với chủ đề câu hỏi
Bài tập	60	Trả lời được trên 85% câu hỏi đánh giá	Trả lời được 70-84% câu hỏi	Trả lời được 40-69% câu hỏi	Trả lời được dưới 40% câu hỏi đánh giá

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
		nhanh, bài tập vận dụng	đánh giá nhanh, bài tập vận dụng	đánh giá nhanh, bài tập vận dụng	nhanh, bài tập vận dụng

Rubric 2. Thảo luận nhóm và thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Báo cáo nhóm	Thái độ ¹	10	Luôn chú ý, chủ động làm việc theo nhóm	Chú ý, tích cực tham gia hoạt động nhóm,	Chỉ tham gia khi được yêu cầu
	Cấu trúc	5	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
	Nêu vấn đề	5	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Nội dung theo yêu cầu ²	15	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng
	Mức độ của thông tin	10	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng
	Lập luận	5	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo chất lượng
	Kết luận	5	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ
	Format	5	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	5	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi đánh máy	Lỗi chính tả và đánh máy khá nhiều
Thuyết trình	Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn,	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được
					Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Tương tác cử chỉ	5	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	lập luận khá thuyết phục	các nội dung quan trọng	được các nội dung quan trọng
			Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
			Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	5	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài tập chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm không được tính điểm

Tham gia học tập trên lớp: Không tham gia làm thảo luận nhóm và thuyết trình, không có bài tiểu luận chuyên đề không đủ điều kiện dự thi hết môn

Yêu cầu về đạo đức: Không có hành vi gian lận, sao chép trong làm tiểu luận và dự thi

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Giáo trình/bài giảng

1. Trịnh Quang Huy, Nguyễn Đình Mạnh, Nguyễn Thị Thu Hà (2021). *Giáo trình Đánh giá tác động môi trường*, NXB Học viện nông nghiệp Việt Nam
2. Lê Trình (2015). *Đánh giá tác động môi trường và xã hội của các dự án đầu tư trong nước và quốc tế*, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

* Các tài liệu khác

1. Thủ tướng chính phủ (2019). *Quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường*, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015). *Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường*, Thông tư 27/2015/BTNMT
3. Alexander P. Economopoulos WHO (1993), *Assessment of sources of air, water and land pollution: A guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating environmental control strategies*

4. Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Thu Hà và cộng tác viên (2015), *Health risk associated with the potentially toxic cyanobacteria blooms in the lakes of Hanoi by biovolume method*, Tạp chí khoa học và công nghệ tập 53 (3A).
5. Tạ Thị Yên, Đinh Tiến Dũng, Nguyễn Thị Thu Hà (2018) *Đánh giá rủi ro của Pb và Cd đối với sinh vật thủy sinh quy mô phòng thí nghiệm*, Tạp chí xây dựng Việt Nam (3.2018)
6. Trần Quốc Việt, Đinh Tiến Dũng, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Trường Sơn (2016), *Đánh giá sơ bộ rủi ro môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An*, Khoa học nông nghiệp Việt Nam tập 14 (12).

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	<p>Chương 1: Kiến thức chung về môi trường và phát triển</p> <p>A/Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Khái niệm môi trường <ul style="list-style-type: none"> Khái niệm Các thành phần môi trường Chức năng của môi trường b. Quan hệ giữa môi trường và phát triển <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quan điểm phát triển bền vững • Chức năng (liên quan sức tải) của môi trường <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thành phần môi trường • Các hoạt động phát triển • Ảnh hưởng của phát triển đến môi trường 	K1, K8
3-5	<p>Chương 2: Khái niệm đánh giá tác động môi trường</p> <p>A/Các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Lịch sử ra đời 2.2. Định nghĩa tác động môi trường 2.3. Định nghĩa đánh giá tác động môi trường 2.4. Mục đích, ý nghĩa của đánh giá tác động môi trường 2.5. Vị trí của đánh giá tác động môi trường trong tiến trình phát triển <ul style="list-style-type: none"> • Tiến trình hình thành dự án • Phân loại dự án • Phân loại các dạng đánh giá tác động môi trường 2.6. Hệ thống văn bản pháp luật liên quan <p>Nội dung semina/thảo luận: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Vai trò của các bên liên quan trong đánh giá tác động môi trường 	K2, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung của các văn bản pháp lý hiện hành liên quan <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> Các vấn đề liên quan đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện nay Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường Chủ thể của đánh giá tác động môi trường Vai trò các bên liên quan trong đánh giá tác động môi trường 	
6-8	<p>Chương 3: Nội dung, trình tự đánh giá tác động môi trường</p> <p>A/Các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)</p> <p>3.1. Cấu trúc của báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấu trúc báo cáo ĐTM <p>3.2. Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình tự và nội dung lược duyệt Xác định phạm vi, mức độ, đối tượng tác động Đánh giá hiện trạng môi trường nền Xác định nguồn gốc và dự báo tác động môi trường Lựa chọn biện pháp quản lý và giảm thiểu tác động <p>Nội dung semina/thảo luận: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định phạm vi, mức độ, đối tượng tác động Đánh giá hiện trạng môi trường nền Xác định nguồn gốc và dự báo tác động môi trường <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết)</p> <p>3.1. Cấu trúc của báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấu trúc báo cáo ĐTM Cấu trúc báo cáo DMC Cấu trúc báo cáo Kế hoạch BVMT <p>3.2. Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường</p>	K2, K5, K8 K2, K3, K4, K6, K8
9-10	<p>Chương 4. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường</p> <p>A/Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân loại các phương pháp đánh giá tác động môi trường Đặc điểm của từng phương pháp (khái niệm, ưu điểm, nhược điểm, cách tiến hành) <p>Nội dung semina/thảo luận(2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> Phạm vi áp dụng của phương pháp Thảo luận cách làm một số phương pháp (liệt kê, danh mục, sơ đồ mạng lưới, ma trận) 	K2, K3, K6, K7, K8

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> Làm tiểu luận ứng dụng của một số phương pháp (liệt kê, danh mục, sơ đồ mạng lưới, ma trận, mô hình hóa...) 	K2, K3, K6, K8

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: đáp ứng số lượng sinh viên/lớp
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết và Projector
- Các phương tiện khác: Giấy Ao, Phấn/Bút viết bảng
- E – learning/MS Team

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 07/2018
- Lần 2: 07/2019
- Lần 3: 07/2020
- Lần 4: 07/2021

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2021

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. NGUYỄN NGỌC TÚ

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. TRỊNH QUANG HUY

TS. TRỊNH QUANG HUY



GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần:

Họ và tên: Trịnh Quang Huy	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: tqhuy@vnua.edu.vn	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: đông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: ha170086@gmail.com	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: đông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tú	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: nguyenngoctu@vnua.edu.vn	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: đông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	